

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ
THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bảo Đồng
Ông Tạ Thống Nhất
Ông Nguyễn Bảo Đồng
Ông Nguyễn Hoàng Hà
Ông Trần Anh Tuấn
Ông Nguyễn Kim Phương

Chủ tịch
Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

(Bổ nhiệm ngày 24/09/2015)
(Miễn nhiệm ngày 24/09/2015)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đình Vận
Ông Nguyễn Bảo Đồng
Bà Phan Thị Cẩm Vân
Ông Đặng Văn Ty
Ông Phan Trọng Vinh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

(Miễn nhiệm ngày 24/09/2015)
(Miễn nhiệm ngày 01/10/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Đình Vận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2016

35468
ÔNG
NHIỆM
EM T
JAI
ĐA -



Số: 183 /VACO.BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/04/2016 từ trang 04 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty có một số khoản nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và tạm ứng tồn đọng lâu ngày với số tiền là 9.236.363.33 đồng và một số hàng hóa, thành phẩm, công cụ dụng cụ chậm luân chuyển với giá trị là 13.075.753.602 đồng chưa được Công ty đánh giá để trích lập dự phòng đầy đủ. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2015 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết số 10 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận một phần chi phí tiền thuê đất từ năm 2010 tới năm 2013 theo thông báo truy thu của cơ quan thuế vào kết quả kinh doanh trong năm. Tiền thuê đất còn lại sẽ được Công ty ghi nhận vào chi phí của năm tới.

36-
TY
HỮU
OÁN
CO
TP.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Y kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0657-2015-156-1



Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 2369-2013-156-1

— *Thay mặt và đại diện cho*
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.570.538.805	161.997.213.470
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.025.969.513	3.810.356.343
1. Tiền	111		5.025.969.513	3.810.356.343
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.033.651.455	3.820.142.041
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.033.651.455	3.820.142.041
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.803.241.543	92.869.504.588
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	61.045.885.465	55.595.014.394
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		843.234.134	10.293.032.748
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	35.233.970.703	32.294.223.919
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.319.848.759)	(5.319.848.759)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	7.082.286
IV. Hàng tồn kho	140	9	62.355.893.967	60.420.247.914
1. Hàng tồn kho	141		62.426.989.652	60.491.343.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(71.095.685)	(71.095.685)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.351.782.327	1.076.962.584
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.991.874.088	257.889.697
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		244.171.173	550.326.495
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		115.737.066	268.746.392
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.783.498.200	24.832.722.922
I. Tài sản cố định	220		17.784.853.966	20.756.784.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.564.281.043	20.501.836.117
- Nguyên giá	222		55.465.311.037	57.016.582.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.901.029.994)	(36.514.745.922)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	220.572.923	254.947.919
- Nguyên giá	228		375.000.000	375.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(154.427.077)	(120.052.081)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		400.370.846	145.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		400.370.846	145.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		598.273.388	3.930.938.886
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	598.273.388	3.930.938.886
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		184.354.037.005	186.829.936.392

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		150.217.587.383	152.445.252.685
I. Nợ ngắn hạn	310		121.082.148.216	127.312.266.324
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	25.963.293.785	15.267.825.672
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.521.720.735	10.388.913.266
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.102.182.708	4.493.221.988
4. Phải trả người lao động	314		1.971.885.884	5.482.315.756
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		186.746.019	158.579.605
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.908.571.741	2.018.086.327
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	68.036.573.111	71.040.887.640
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	17.370.170.789	18.330.555.086
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.003.444	131.880.984
II. Nợ dài hạn	330		29.135.439.167	25.132.986.361
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	29.135.439.167	25.132.986.361
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.136.449.622	34.384.683.707
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	34.136.449.622	34.384.683.707
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.235.900.519	31.235.900.519
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.235.900.519	31.235.900.519
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.600.000	16.600.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.557.226.410	1.557.226.410
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.326.722.693	1.574.956.778
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.326.722.693	1.574.956.778
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		184.354.037.005	186.829.936.392



Vũ Đình Vận
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Đỗ Kim Tuyền
Phụ trách kế toán

Lại Hoài Trang
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		209.683.109.458	185.821.400.398
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		155.756.551	415.578.766
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	209.527.352.907	185.405.821.632
4. Giá vốn hàng bán	11	20	174.588.624.062	148.381.716.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		34.938.728.845	37.024.104.971
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	478.122.249	624.206.540
7. Chi phí tài chính	22	23	1.888.750.903	1.375.562.660
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.752.801.861	1.257.324.099
8. Chi phí bán hàng	25	24	17.040.172.945	14.921.556.307
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	17.878.356.829	20.357.519.972
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.390.429.583)	993.672.572
11. Thu nhập khác	31	25	3.238.265.648	1.475.189.937
12. Chi phí khác	32	26	125.517.336	407.112.783
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.112.748.312	1.068.077.154
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.722.318.729	2.061.749.726
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	395.596.036	486.792.948
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.326.722.693	1.574.956.778
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	382	450



Vũ Đình Vận
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Đỗ Kim Tuyền
Phụ trách kế toán

Lại Hoài Trang
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊUMã Thuyết
số minh

Năm 2015

Năm 2014

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ
3. Tiền chi trả cho người lao động
4. Tiền lãi vay đã trả
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

01

202.297.299.221

181.377.147.791

02

(148.704.101.753)

(140.400.050.757)

03

(24.897.179.547)

(22.962.536.652)

04

(1.106.859.008)

(952.753.991)

05

(242.586.710)

(922.950.634)

06

77.876.213.710

52.869.168.275

07

(97.963.642.637)

(75.701.564.003)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

20

7.259.143.276

(6.693.539.971)

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

21

(118.823.536)

(408.153.845)

22

2.563.252.273

1.544.207.863

24

-

1.000.000.000

27

87.023.569

253.377.867

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

30

2.531.452.306

2.389.431.885

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ đi vay
2. Tiền trả nợ gốc vay
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

33

44.464.966.411

30.988.992.036

34

(53.043.973.170)

(23.640.320.531)

36

-

(5.292.881.272)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

40

(8.579.006.759)

2.055.790.233

Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)

50

1.211.588.823

(2.248.317.853)

Tiền và tương đương tiền đầu năm

60

3.810.356.343

6.082.342.631

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

61

4.024.347

(23.668.435)

Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)

70

5.025.969.513

3.810.356.343



Vũ Đình Vận
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Đỗ Kim Tuyền
Phụ trách kế toán

Lại Hoài Trang
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xuất nhập khẩu cung ứng vật tư thiết bị đường sắt (đơn vị thành viên của Đường sắt Việt Nam) theo Quyết định số 3849/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103008279 đăng ký lần đầu ngày 17/06/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 21/01/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 7, vốn điều lệ của Công ty là 31.252.500.519 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Đường sắt Việt Nam.

Các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)
Đường sắt Việt Nam	1.599.050	15.990.500.000
Các cổ đông khác	1.526.200	15.262.000.000
Cộng	3.125.250	31.252.500.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 334 người (năm 2014: 353 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Sản xuất và mua bán vật tư, trang thiết bị chuyên ngành đường sắt; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ, tre, nứa; Sản xuất các sản phẩm từ kim loại; Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường); Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Phiên dịch, dịch vụ dịch thuật; Sản xuất các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại, bột can xít nước; Sản xuất Bentonite; Dịch vụ tắm giặt, đầm lưng, xông hơi (không bao gồm xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền), xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt); Xuất khẩu lao động; Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép); Dịch vụ tuyển dụng lao động trong nước.

Hoạt động chính của Công ty là: Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Sản xuất và mua bán vật tư, trang thiết bị chuyên ngành đường sắt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 132 đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Công ty có các đơn vị, hạch toán phụ thuộc như sau:

- Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Đông Anh.
- Xí nghiệp Cơ khí Đông Anh.
- Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Vinh.
- Xí nghiệp Vật tư và Dịch vụ Thanh Hóa.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị đường sắt tại Lào Cai.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị đường sắt tại Lạng Sơn.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị đường sắt tại Hải Phòng.
- Trung tâm phát triển việc làm và xuất khẩu lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam; Các Công ty TNHH Một thành viên quản lý Đường sắt.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 12
Thiết bị quản lý	03 - 11
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý hồ sơ lao động, được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế khấu hao trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước gồm có chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, tiền thuê đất bị truy thu các năm trước được phân bổ dưới 1 năm; chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản được phân bổ một lần vào chi phí khi hoàn thành.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ phân bổ có thời hạn từ 1 đến 2 năm.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và phân phối cho các cổ đông theo điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

2541
ÔN
NHỊ
IỂM
VA
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo quy định của pháp luật.

356
G T
M H
TOÁ
CC
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮTSố 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà NộiBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	998.197.235	1.093.864.163
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.027.772.278	2.716.492.180
Cộng	5.025.969.513	3.810.356.343

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.033.651.455	4.033.651.455	3.820.142.041	3.820.142.041
Ngắn hạn	4.033.651.455	4.033.651.455	3.820.142.041	3.820.142.041
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	4.033.651.455	4.033.651.455	3.820.142.041	3.820.142.041

Ghi chú: (i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng.**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
	61.045.885.465	55.595.014.394
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	43.820.846.489	35.789.535.082
Công ty Cổ phần Công trình 6	5.916.329.785	3.821.645.119
Công ty Cổ phần Đầu tư công trình Hà Nội	3.159.569.440	2.865.436.008
Công ty Cổ phần cơ khí Bình Dương	1.726.694.887	-
Công ty Cổ phần đường sắt Yên Lào	1.274.832.912	320.231.968
Công ty Cổ phần đường sắt Thanh Hoá	1.325.505.063	527.611.070
Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải	1.139.053.201	2.993.183.171
Đối tượng khác	29.278.861.201	25.261.427.746
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	17.225.038.976	19.805.479.312
Phải thu các Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt thuộc		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	17.225.038.976	19.805.479.312

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	35.233.970.703	-	32.294.223.919	-
Tạm ứng	2.228.646.712	-	2.320.960.951	-
Phải thu khác	3.951.678.987	-	4.977.404.320	-
- Phải thu tiền lương ứng cho				
lao động làm việc nước ngoài	2.396.459.304	-	2.113.451.539	-
- Phải thu đối tác nước ngoài				
liên quan đến tiền lương lao	804.650.633	-	286.971.745	-
động xuất khẩu				
- Phải thu khác	750.569.050	-	2.576.981.036	-
Ký cược, ký quỹ (i)	29.053.645.004	-	24.995.858.648	-

Ghi chú: (i) Tiền ký cược, ký quỹ thể hiện số tiền nhận ký quỹ của người lao động được đưa đi làm việc tại nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	517.866.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.626.683.629	-	8.060.293.828	-
Công cụ, dụng cụ	60.801.140	-	53.659.563	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.425.328.662	-	5.920.846.995	-
Thành phẩm	13.209.867.384	-	12.056.113.469	-
Hàng hóa	33.104.308.837	71.095.685	33.882.563.544	71.095.685
Cộng	62.426.989.652	71.095.685	60.491.343.599	71.095.685

Tại ngày 31/12/2015, số hàng tồn kho chậm luân chuyển là 13.075.753.602 đồng. Trong đó, nguyên vật liệu là 401.759.795 đồng, hàng hóa là 7.400.972.853 đồng, thành phẩm là 1.341.592.209 đồng, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 3.906.775.310 đồng và công cụ dụng cụ là 24.653.435 đồng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.991.874.088	257.889.697
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	92.302.982	14.934.476
Tiền thuế đất bị truy thu từ năm 2010-2013	1.105.319.330	-
Các khoản khác	794.251.776	242.955.221
b) Dài hạn	598.273.388	3.930.938.886
Tiền thuế đất bị truy thu từ năm 2010-2013	-	2.915.445.336
Công cụ dụng cụ xuất dùng	152.957.631	706.389.084
Các khoản khác	445.315.757	309.104.466

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

1. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	32.841.503.389	16.861.458.503	6.069.453.762	1.147.562.045	96.604.340	57.016.582.039
- Mua trong năm	-	35.000.000	-	-	-	35.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	116.823.536	-	-	-	-	116.823.536
- Thanh lý, nhượng bán	(350.936.000)	-	(1.259.894.586)	(92.263.952)	-	(1.703.094.538)
Tại ngày 31/12/2015	32.607.390.925	16.896.458.503	4.809.559.176	1.055.298.093	96.604.340	55.465.311.037
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	19.565.398.915	11.804.662.603	4.226.268.891	821.811.173	96.604.340	36.514.745.922
- Khấu hao trong năm	1.481.242.580	927.490.626	556.197.192	87.411.240	-	3.052.341.638
- Thanh lý, nhượng bán	(319.959.626)	-	(1.259.894.586)	(86.203.354)	-	(1.666.057.566)
Tại ngày 31/12/2015	20.726.681.869	12.732.153.229	3.522.571.497	823.019.059	96.604.340	37.901.029.994
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	13.276.104.474	5.056.795.900	1.843.184.871	325.750.872	-	20.501.836.117
Tại ngày 31/12/2015	11.880.709.056	4.164.305.274	1.286.987.679	232.279.034	-	17.564.281.043

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 12.210.588.726 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 13.876.646.292 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để đảm bảo, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 3.350.224.615 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 5.873.331.454 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	375.000.000
Tại ngày 31/12/2015	375.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	120.052.081
- Khấu hao trong năm	34.374.996
Tại ngày 31/12/2015	154.427.077
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2015	254.947.919
Tại ngày 31/12/2015	220.572.923

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	25.963.293.785	25.963.293.785	15.267.825.672	15.267.825.672
Công ty TNHH TM & SX Việt Thắng	3.750.663.709	3.750.663.709	756.648.179	756.648.179
Công ty CP cơ khí cầu đường Hà Ninh	4.211.499.147	4.211.499.147	605.708.020	605.708.020
Công ty TNHH Thiết bị cơ điện Đức Tường - Bảng Tường - Trung Quốc	2.616.556.968	2.616.556.968	448.794.937	448.794.937
Công ty TNHH Tùng Long	1.325.138.980	1.325.138.980	-	-
Công ty TNHH Hương Phẩm	1.600.000.000	1.600.000.000	1.070.664.121	1.070.664.121
Đối tượng khác	12.459.434.981	12.459.434.981	12.386.010.415	12.386.010.415

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	653.575.585	19.130.821.930	19.340.448.395	443.949.120
Thuế xuất, nhập khẩu	-	64.354.852	64.354.852	-
Thuế thu nhập cá nhân	96.872.976	126.619.382	185.892.233	37.600.125
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.649.633.531	7.008.896.208	7.132.118.247	3.526.411.492
Thuế bảo vệ môi trường	24.262.857	42.269.485	66.532.342	-
Các loại thuế khác		14.151.641	14.151.641	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	68.877.039	40.470.769	15.125.837	94.221.971
Cộng	4.493.221.988	26.427.584.267	26.818.623.547	4.102.182.708

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	68.036.573.111	71.040.887.640
- Kinh phí công đoàn	164.916.319	171.485.052
- Bảo hiểm xã hội	276.613.832	300.319.371
- Bảo hiểm y tế	15.837.945	22.297.178
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.721.399	11.921.568
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	676.000.000	535.500.000
- Công ty TNHH Mua bán nợ VN- chi phí cổ phần hóa (i)	6.900.000.000	7.900.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.476.623.022	7.106.722.389
- Phải trả các đối tượng môi giới	360.450.344	805.975.344
- Phải trả đối tượng giao dịch với TT	67.332.719	78.147.918
- Tiền lương của NLD đi làm việc NN trả theo quỹ	3.462.513.040	4.084.453.475
- Phải trả, phải nộp khác	1.586.326.919	2.138.145.652
b) Phải trả khác là bên liên quan	54.519.860.594	54.992.642.082
- Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (ii)	54.519.860.594	54.992.642.082
c) Dài hạn	29.135.439.167	25.132.986.361
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (iii)	29.135.439.167	25.132.986.361

Ghi chú:

- (i) Phải trả về cổ phần hóa là các khoản phải trả cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp về giá trị tài sản trước thời điểm cổ phần hóa do Công ty bán hộ.
- (ii) Là khoản phải trả cho Đường sắt Việt Nam liên quan đến chi phí phải trả trước cổ phần hóa và các chi phí khác.
- (iii) Phải trả dài hạn khác bao gồm các khoản tiền nhận ký cược, ký quỹ của người lao động, Công ty làm dịch vụ đưa người lao động ra nước ngoài làm việc và các khoản nhận đặt cọc dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY VÀ NỢ NGÂN HÀNG

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
<i>Vay ngân hàng</i>	17.370.170.789	17.370.170.789	57.073.065.831	56.112.681.534	18.330.555.086	18.330.555.086
Ngân hàng Nông nghiệp Đông Anh (i)	4.604.481.880	4.604.481.880	32.938.127.094	31.583.200.570	5.959.408.404	5.959.408.404
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam (ii)	3.362.801.880	3.362.801.880	9.442.620.634	8.827.262.748	3.978.159.766	3.978.159.766
Vay các Ngân hàng khác để mở LC thanh toán tiền hàng	1.241.680.000	1.241.680.000	5.246.021.299	4.506.452.661	1.981.248.638	1.981.248.638
	-	-	18.249.485.161	18.249.485.161	-	-
<i>Vay cá nhân (iii)</i>	12.765.688.909	12.765.688.909	24.134.938.737	24.529.480.964	12.371.146.682	12.371.146.682
Vay các cá nhân tại các chi nhánh	12.765.688.909	12.765.688.909	21.714.938.737	22.109.480.964	12.371.146.682	12.371.146.682
Vay cá nhân tại Văn phòng Công ty	-	-	2.420.000.000	2.420.000.000	-	-

Ghi chú:

(i) Vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm các khoản vay sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 3140-LAV-201305711 ngày 31/10/2013 và hợp đồng số 3140-LAV-2014.06365 ngày 29/10/2014, giải ngân thành từng đợt, thời hạn vay cụ thể mỗi lần giải ngân tối đa không quá 12 tháng, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, lãi thực tế áp dụng trong năm 2014 là từ 9% đến 10,5%. Cam kết đảm bảo bằng máy móc thiết bị, 16.859m² đất của xí nghiệp, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, hàng tồn kho và các khoản phải thu.

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 3140-LAV-201407113 ngày 02/12/2014, tổng hạn mức vay là 2 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh vật liệu xây dựng và các chi phí cần thiết khác phục vụ cho kế hoạch kinh doanh năm 2014-2015, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn từ 9%-10%/năm, tài sản đảm bảo của cá nhân, máy móc thiết bị, đất đai của xí nghiệp.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng hạn mức tín dụng số KHVRS150054/HM, hạn mức vay là 15 tỷ đồng, thời hạn cho vay tối đa 8 tháng, lãi suất 9%/năm, tài sản đảm bảo là tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Công ty.

(iii) Các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới một năm với lãi suất từ 10%/năm đến 18%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

ác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

7. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Biến động trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014							
Lãi trong năm	31.235.900.519		16.600.000	1.557.226.410	2.234.992.618	35.044.719.547	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.574.956.778	1.574.956.778	
Số dư tại ngày 01/01/2015	31.235.900.519		16.600.000	1.557.226.410	(2.234.992.618)	(2.234.992.618)	
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	1.574.956.778	34.384.683.707	
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	1.326.722.693	1.326.722.693	
Số dư tại ngày 31/12/2015	31.235.900.519		16.600.000	1.557.226.410	(1.574.956.778)	(1.574.956.778)	
					1.326.722.693	34.136.449.622	

Ghi chú: (i) Phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 422/NQ.VTTB.HDQT ngày 25/5/2015, trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 169.341.278 đồng, chi trả cổ tức là 1.405.615.500 đồng.

b) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7, vốn điều lệ của Công ty là 31.252.500.519 đồng. Số vốn này đã bao gồm phần thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 16.600.000 đồng. Tại ngày 31/12/2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Vốn đã góp	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đường sắt Việt Nam	15.973.900.519	15.973.900.519
Cổ đông khác	15.262.000.000	15.262.000.000
Tổng cộng	31.235.900.519	31.235.900.519
	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
	51%	51%
	49%	49%
	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)***c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>31.235.900.519</i>	<i>31.235.900.519</i>
- Vốn góp đầu năm	31.235.900.519	31.235.900.519
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	31.235.900.519	31.235.900.519

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau*d) Cổ phiếu*

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.123.590	3.123.590
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.123.590	3.123.590
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.123.590</i>	<i>3.123.590</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.123.590	3.123.590
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.123.590</i>	<i>3.123.590</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
1. Ngoại tệ các loại		
USD	598,84	2.096,79

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	102.936.811.703	97.485.008.100
Doanh thu bán sản phẩm	80.894.269.228	61.544.244.260
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.852.028.527	17.209.648.043
Doanh thu nội bộ	-	8.813.928.203
	-	768.571.792
Cộng	209.683.109.458	185.821.400.398

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	155.756.551	415.578.766
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	-	277.693.544
- Giảm giá hàng bán	152.258.485	137.885.222
- Hàng bán bị trả lại	3.498.066	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	209.527.352.907	185.405.821.632

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Gá vốn bán hàng hóa	92.738.607.144	70.909.764.686
Giá vốn bán thành phẩm	71.009.951.080	64.855.206.990
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.840.065.838	5.308.025.359
Giá vốn hàng bán nội bộ	-	7.308.719.626
Cộng	174.588.624.062	148.381.716.661

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.371.373.570	56.867.935.040
Chi phí nhân công	24.939.724.361	28.589.735.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.613.174.072	2.941.720.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.264.791.885	9.401.443.363
Chi phí khác bằng tiền	12.172.929.943	9.821.640.627
Cộng	122.361.993.831	107.622.475.421

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	312.621.972	462.329.262
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	152.200.000	134.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.663.295	27.677.278
Doanh thu hoạt động tài chính khác	636.982	-
Cộng	478.122.249	624.206.540

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.752.801.861	1.257.324.099
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	135.949.042	118.238.561
Cộng	1.888.750.903	1.375.562.660

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	5.666.434.514	10.067.185.058
Chi phí nguyên liệu, đồ dùng văn phòng	796.448.789	460.745.580
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.472.192.380	1.822.664.265
Thuế, phí và lệ phí	5.093.062.187	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	920.006.680	3.888.842.439
Các khoản chi phí QLDN khác	3.930.212.279	4.118.082.630
Cộng	17.878.356.829	20.357.519.972
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	7.921.852.634	7.435.510.439
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	199.490.417	69.223.067
Chi phí khấu hao TSCĐ	160.037.500	158.537.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.768.126.657	5.068.322.363
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.990.665.737	2.189.962.938
Cộng	17.040.172.945	14.921.556.307

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.138.299.540	1.171.818.032
Xử lý công nợ	93.214.000	-
Thu nhập từ CLLS tiền ký quỹ của NLĐ	691.924.765	-
Các khoản khác	314.827.343	303.371.905
Cộng	3.238.265.648	1.475.189.937

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản khác	125.517.336	407.112.783
Cộng	125.517.336	407.112.783

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.722.318.729	2.061.749.726
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	75.845.069	150.945.492
Trừ: Doanh thu không chịu thuế	(152.200.000)	(134.200.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	228.045.069	285.145.492
Thu nhập chịu thuế	1.798.163.798	2.212.695.218
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	395.596.036	486.792.948

Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.326.722.693	1.574.956.778
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(132.672.269)	(169.341.278)
Lãi/(lỗ) tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.194.050.424	1.405.615.500
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.123.590	3.123.590
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	382	450
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Ghi chú: (i) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được tạm trích bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Công ty.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 được xác định lại là 450 đồng (số trình bày trên báo cáo tài chính năm 2014 là 504 đồng).

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	17.370.170.789	18.330.555.086
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.025.969.513	3.810.356.343
Nợ thuần	12.344.201.276	14.520.198.743
Vốn chủ sở hữu	34.136.449.622	34.384.683.707
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,36	0,42

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮTSố 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.025.969.513	3.810.356.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.960.007.409	82.569.389.554
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.033.651.455	3.820.142.041
Các khoản ký quỹ	29.370.803.004	25.861.145.648
Tổng cộng	129.390.431.381	116.061.033.586
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	17.370.170.789	18.330.555.086
Phải trả người bán và phải trả khác	123.135.306.063	111.441.699.673
Chi phí phải trả	186.746.019	158.579.605
Tổng cộng	140.692.222.871	129.930.834.364

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.025.969.513	-	5.025.969.513
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.960.007.409	-	90.960.007.409
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.033.651.455	-	4.033.651.455
Các khoản ký quỹ	29.370.803.004	-	29.370.803.004
Tổng cộng	129.390.431.381	-	129.390.431.381
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	17.370.170.789	-	17.370.170.789
Phải trả người bán và phải trả khác	93.999.866.896	29.135.439.167	123.135.306.063
Chi phí phải trả	186.746.019	-	186.746.019
Tổng cộng	111.556.783.704	29.135.439.167	140.692.222.871
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.833.647.677	(29.135.439.167)	(11.301.791.490)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.810.356.343	-	3.810.356.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	82.569.389.554	-	82.569.389.554
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.820.142.041	-	3.820.142.041
Các khoản ký quỹ	25.861.145.648	-	25.861.145.648
Tổng cộng	116.061.033.586	-	116.061.033.586
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	18.330.555.086	-	18.330.555.086
Phải trả người bán và phải trả khác	86.308.713.312	25.132.986.361	111.441.699.673
Chi phí phải trả	158.579.605	-	158.579.605
Tổng cộng	104.797.848.003	25.132.986.361	129.930.834.364
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.263.185.583	(25.132.986.361)	(13.869.800.778)

Mức chênh lệch thanh khoản ròng của Công ty đều dương chứng tỏ khả năng thanh khoản của Công ty được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện giám sát rủi ro về thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giao dịch với bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Bán hàng cho các Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt	39.312.686.723	59.552.228.345

Số dư với các bên liên quan:

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 7 và số 15 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty không còn số dư nào khác với bên liên quan.

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lương Ban Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị	414.624.644	922.103.536
Cộng	<u>414.624.644</u>	<u>922.103.536</u>

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2014	Số phân loại/trình bày lại	Tại ngày 01/01/2015 trình bày lại
Phải thu ngắn hạn khác	4.112.117.320	28.182.106.599	32.294.223.919
Tài sản ngắn hạn khác	3.193.330.237	(3.193.330.237)	-
Tài sản dài hạn khác	24.995.858.648	(24.995.858.648)	-
Phải trả ngắn hạn khác	16.048.245.558	54.992.642.082	71.040.887.640
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2.018.086.327	(2.018.086.327)	-

Báo cáo kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2014	Số phân loại/trình bày lại	Năm 2014
	Số trước trình bày lại	bày lại	Trình bày lại
Thu nhập khác	1.319.835.242	(155.354.695)	1.475.189.937
Chi phí khác	251.758.088	(155.354.695)	407.112.783
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	504	(54)	450



Vũ Đình Vận
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2016

Đỗ Kim Tuyền
Phụ trách kế toán

Lại Hoài Trang
Người lập